TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH KHÊ – TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18**/2022/DS-ST
Ngày: 31-5-2022
Về việc: "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Kim Ánh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Ngọc Thuý
Bà Lê Thị Nhớ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Minh Anh.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 28/2022/TLST-DS, ngày 03 tháng 3 năm 2022 về việc: "*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:28/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: **Công ty Tài Chính TNHH Ngân hàng V (VPB S)**

Địa chỉ trụ sở: Tầng 02, tòa nhà R, số 09 Đ, P.13, quận 4, TP. H;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lô Bằng G; chức danh: Chủ tịch hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thúy K; chức vụ: Trưởng Bộ Phận Hỗ trợ Xử lý Tín dụng Ngoại bảng – Bộ Phận Hỗ trợ Xử lý Tín dụng Ngoại bảng – VPB *(Theo giấy uỷ quyền số 43/UQ-XLTD.21 ngày 06/12/2021 của Chủ tịch Hội đồng Thành Viên Công Ty Tài Chính TNHH Ngân hàng V)*.

Bà Lê Thúy K uỷ quyền lại cho bà Phạm Thị Thu H, sinh năm: 1995; Địa chỉ: 258 L, phường H, quận H, thành phố Đ (*Theo giấy uỷ quyền số /UQTA-XLTD.22 ngày 05/01/2022)*.(Có mặt) .

2.Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Thanh N**, sinh năm: 1985; Địa chỉ: K05/86 L, phường A, quận T, thành phố Đ (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/01/2022, bản tự khai ngày 30/3/2022 và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Phạm Thị Thu H trình bày:

Ngày 26/02/2019, bà Nguyễn Thị Thanh N có ký hợp đồng tín dụng số 20190308-0003508 với VPB vay số tiền 63.300.000 đồng (*Sáu mươi ba triệu, ba trăm nghìn đồng)* với lãi suất 3.08%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, bà Nguyễn Thị Thanh N có trách nhiệm thanh toán số tiền là 105.315.114 đồng *(Trong đó: Số nợ gốc: 63.300.000 đồng, Số nợ lãi: 42.015.114 đồng)*, trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng: 35 tháng đầu mỗi tháng trả 2.935.544 đồng, tháng cuối cùng trả 2.571.074 đồng. Thanh toán vào ngày 05 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 05/04/2019.

Thực hiện hợp đồng, bà N nhận đủ số tiền vay từ VPB và tính đến ngày 05/01/2022 bà N đã thanh toán cho VPB S12 lần với số tiền 29.069.000 đồng. Trong đó: Số gốc đã trả: 11.486.971 đồng, Số lãi đã trả: 17.582.029 đồng. Kể từ ngày 23/06/2020 bà N không thanh toán thêm bất cứ khoản nào cho VPB mặc dù VPB đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu thanh toán.

Trong thời gian hồ sơ đang tiến hành giải quyết tại Tòa án, bà N có thanh toán thêm cho VPB số tiền 7.400.000 đồng vào ngày 14/01/2022. Tính đến nay, bà Nguyễn Thị Thanh N đã thanh toán tổng số tiền là 36.469.000 đồng. Trong đó: Số tiền gốc đã trả là: 18.886.971 đồng; Số tiền lãi đã trả là: 17.582.029 đồng.

Vì vậy để bảo vệ quyền lợi của mình, VPB khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Thanh N thanh lý hợp đồng trả một lần cho VPB toàn bộ số tiền nợ: 68.846.114 đồng *(Sáu mươi tám triệu, tám trăm bốn mươi sáu nghìn, một trăm mười bốn đồng).* Trong đó, nợ gốc: 44.413.029 đồng; nợ lãi tạm tính đến ngày 31/5/2022 là: 24.433.085 đồng. Nếu Bản án có hiệu lực pháp luật mà bà N chậm trả thì yêu cầu tính lãi chậm trả của tổng số tiền 68.846.114 đồng với mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự cho đến khi thanh toán xong.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh N trình bày:

Ngày 26/02/2019, tôi có ký hợp đồng tín dụng số 20190308-0003508 với VPB vay số tiền 63.300.000 đồng với lãi suất 3.08%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, tôi có trách nhiệm thanh toán số tiền là 105.315.114 đồng *(Trong đó: Số nợ gốc: 63.300.000 đồng, Số nợ lãi: 42.015.114 đồng)*, trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng: 35 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 2.935.544 đồng, tháng cuối cùng trả 2.571.074 đồng. Thanh toán vào ngày 05 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 05/04/2019.

Thực hiện hợp đồng, tôi nhận đủ số tiền vay để tiêu dùng cá nhân, tính đến ngày 05/01/2022, tôi đã thanh toán cho VPB 12 lần với số tiền 29.069.000 đồng. Trong đó: Số gốc đã trả: 11.486.971 đồng, Số lãi đã trả: 17.582.029 đồng. Kể từ ngày 23/06/2020, tôi đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, trong thời gian hồ sơ đang tiến hành giải quyết tại Tòa án, tôi có thanh toán thêm cho VPB số tiền 7.400.000 đồng vào ngày 14/01/2022. Tính đến hiện tại tôi đã thanh toán tổng số tiền là 36.469.000 đồng. Trong đó: Số tiền gốc đã trả là: 18.886.971 đồng, Số tiền lãi đã trả là: 17.582.029 đồng.

Nay, VPB yêu cầu Tòa án giải quyết buộc tôi phải thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ là: 68.846.114 đồng *(Sáu mươi tám triệu, tám trăm bốn mươi sáu nghìn, một trăm mười bốn đồng).* Trong đó, nợ gốc: 44.413.029 đồng; nợ lãi tạm tính đến ngày 31/5/2022 là: 24.433.085 đồng, đồng thời yêu cầu tính lãi chậm

thanh toán kể từ thời điểm Bản án của Tòa có hiệu lực đến khi thanh toán xong thì tôi xác nhận số tiền VPB khởi kiện là đúng, nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên tôi chưa thể thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên mong VPB thông cảm và tạo điều kiện cho tôi được trả dần số nợ nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến tại phiên toà về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn 68.846.114 đồng *(Sáu mươi tám triệu, tám trăm bốn mươi sáu nghìn, một trăm mười bốn đồng).* Trong đó, nợ gốc: 44.413.029 đồng; nợ lãi tạm tính đến ngày 31/5/2022 là: 24.433.085 đồng và chấp nhận yêu cầu tính lãi chậm trả kể từ thời điểm Bản án có hiệu lực đến khi thanh toán xong với mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về thủ tục và nội dung giải quyết vụ án; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng giữa bà Nguyễn Thị Thanh N và VPB ký ngày 26/02/2019 và được VPB ký phê duyệt đồng ý ngày 07/3/2019 đã tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Trong quá trình thực hiện Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 26/02/2019 thì bà N đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán như đã cam kết theo. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Thanh N thanh lý hợp đồng trả một lần cho VPB toàn bộ số tiền nợ: 68.846.114 đồng *(Sáu mươi tám triệu, tám trăm bốn mươi sáu nghìn, một trăm mười bốn đồng).* Trong đó, nợ gốc: 44.413.029 đồng; nợ lãi tạm tính đến ngày 31/5/2022 là: 24.433.085 đồng. Nếu Bản án có hiệu lực pháp luật mà bà N chậm trả thì yêu cầu tính lãi chậm trả của tổng số tiền 68.846.114 đồng với mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự cho đến khi thanh toán xong.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Thanh N có bản tự khai xác nhận phần trình bày của VPB về quá trình thực hiện và vi phạm hợp đồng của bà là đúng. Bà N xác nhận còn nợ VPB số tiền 68.846.114 đồng. Trong đó,

nợ gốc: 44.413.029 đồng; nợ lãi tạm tính đến ngày 31/5/2022 là: 24.433.085 đồng. Tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn nên bà N hẹn VPB được trả dần số tiền trên và xin giảm tiền nợ lãi.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Căn cứ Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng giữa bà Nguyễn Thị Thanh N và VPB được ký ngày 26/02/2019 và được VPB ký phê duyệt đồng ý vào ngày 07/3/2019 và xác nhận như trên của bà Nga; Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định VPB Sđã giải ngân cho bà N vay số tiền 63.300.000 đồng. Lãi suất trong hạn 3.08%/tháng,với mục đích tiêu dùng cá nhân. Đây là Hợp đồng tín dụng, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên khi bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì VPB có quyền khởi kiện. Yêu cầu khởi kiện của VPB là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận; cần buộc bà Nguyễn Thị Thanh N phải trả cho VPB số tiền 68.846.114 đồng. Trong đó, nợ gốc: 44.413.029 đồng và lãi tạm tính đến ngày 31/5/2022 là: 24.433.085 đồng theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, các Điều 91, 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

[5] Về yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh N xin được trả dần khoản nợ nêu trên và đề nghị VPB giảm tiền nợ lãi do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nhưng không được VPB đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Thanh N phải chịu theo giá ngạch 68.846.114 đồng x 5% = 3.442.305 đồng.

[7] Hoàn trả cho VPB số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Căn cứ vào Điều 463 và 466, 468 của Bộ luật Dân sự.
- Căn cứ vào Điều 91 và Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng.
- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty tài chính TNHH Ngân hàng V về việc: "*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*" đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị Thanh N.

1. Buộc bà Nguyễn Thị Thanh N phải trả cho Công ty tài chính TNHH Ngân hàng V số tiền 68.846.114 đồng *(Sáu mươi tám triệu, tám trăm bốn mươi sáu nghìn, một trăm mười bốn đồng).* Trong đó, nợ gốc: 44.413.029 đồng; nợ lãi tạm tính đến ngày 31/5/2022 là: 24.433.085 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Thanh N phải chịu **3.442.305 đồng** (*Ba triệu, bốn trăm bốn mươi hai nghìn, ba trăm lẻ năm đồng*).

3. Hoàn trả cho Công ty tài chính TNHH Ngân hàng V số tiền tạm ứng án phí **1.906.152 đồng** *(Bằng chữ: Một triệu, chín trăm lẻ sáu nghìn một trăm năm mươi hai đồng)* đã nộp theo biên lai thu số 00025xx ngày 03 tháng 03 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- Viện KSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Kim Ánh